TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA RÌ
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thu Hường

2. Bà Hoàng Thị Thu Hoài

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hà Thị Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn *tham gia phiên toà*: Bà Hứa Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thuý H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số x Trần Nhật D, khối C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: thôn P, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2021, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị Thuý H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H kết hôn với anh Hoàng Văn T vào năm 2008 trên tinh thần tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn thời gian đầu hai vợ chồng chung sống ở nhà của bố mẹ chị H ở số nhà x Trần Nhật D, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó, anh T về nhà của bố mẹ anh T ở thôn P, xã K,

huyện N, tỉnh Bắc Kạn sinh sống, lâu lâu mới sang thành phố L thăm chị H và các con. Khi sang thăm, anh T chỉ ở với chị H khoảng 01 đến 02 tháng rồi lại về nhà của bố mẹ anh T ở. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên mắng chửi nhau mỗi khi hai vợ chồng ở với nhau. Ngoài ra, anh T còn hay nhắn tin chửi mắng chị và anh T có hành vi bạo lực gia đình đối với chị H nhiều lần. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên cũng từ đầu năm 2019 đến nay, hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm và không liên lạc với nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng hàn gắn lại được nên chị H đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Hoàng Thị Vân K, sinh ngày 15/8/2008 và Hoàng Bảo H, sinh ngày 03/5/2013. Các con chung khoẻ mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay con Hoàng Thị Vân K đang ở với anh T, còn con Hoàng Bảo H đang ở cùng với chị H. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Hoàng Bảo H, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con Hoàng Thị Vân K cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị H và anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống ở bên nhà bố mẹ chị H, đến năm 2013 sau khi chị H sinh con thứ 02 thì anh T và con gái lớn chuyển về thôn P, xã K, huyện N sinh sống, còn chị H vào con gái út vẫn sinh sống ở nhà bố mẹ chị H, lâu lâu chị H mới về thăm anh T và con. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Anh T xác nhận anh và chị H đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị H có đơn xin ly hôn với anh T, anh T không nhất trí ly hôn vì thương các con.

Về con chung: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị H về con chung, nếu phải ly hôn, anh T không đồng ý cho chị H trực tiếp nuôi con gái út, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T. Anh T cho rằng chị H không đủ điều kiện đảm bảo để nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 24/12/2021 về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T, ông Hoàng Khải T, là bố đẻ của anh T trình bày: Năm 2008 anh T và chị H kết hôn, sau khi kết hôn cả hai sinh sống ở thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Chỉ những ngày lễ, tết, lâu lâu anh T, chị H mới về nhà ở xã K, huyện N chơi. Cách đây khoảng một, hai năm thì anh T và cháu K về nhà ở xã K ở hẳn, còn chị H không về. Vợ chồng anh T, chị H không sinh sống cùng nhà với ông nên ông không biết vợ chồng anh T, chị H có mâu thuẫn gì không. Về con chung, vợ chồng anh T, chị H có 02 con chung, hiện nay con lớn của anh T đang sinh sống cùng anh

T và cùng nhà với ông, còn con bé đang sinh sống với chị H ở thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Tại biên bản xác minh ngày 19/4/2022, bà Hoàng Kim Th, là mẹ đẻ của chị H trình bày: Sau khi chị H và anh T kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng sinh sống ở nhà bà Th tại số nhà x, đường Trần Nhật D, khối C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau một thời gian sinh sống thì anh T đi đâu, làm gì bà Th không rõ, cứ lâu lâu lại về sống với chị H và con được khoảng 01 đến 02 tháng lại đi. Từ cuối năm 2018, anh T bỏ đi hẳn không còn về sinh sống cùng chị H và con tại nhà bà Th nữa. Bà Th có hỏi thì chị H cho biết hai vợ chồng không ở được với nhau nên hai vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình hai vợ chồng chị H, anh T sống cùng nhà với bà Th thì bà Th có chứng kiến anh T đánh chị H nhiều lần, ngoài ra giữa anh T và chị H khi ở với nhau thường hay mắng chửi nhau. Nguyên nhân anh T đánh chị H bà Th không rõ, còn hai vợ chồng mắng chửi nhau là do anh T hay uống rượu. Nghề nghiệp của chị H là làm nghề buôn bán tự do, có thu nhập, theo H nói là hàng tháng thu nhập được 10.000.000,đ đến 12.000.000,đ. Hiện nay chị H và con vẫn đang sống cùng bà Th tại ngôi nhà mới 03 tầng bà Th vừa mua. Ngôi nhà này sau khi hoàn tất các thủ tục mua bán, bà Th sẽ tặng cho cháu trai của bà Th là Ngô Xuân M đứng tên quyền sở hữu, tuy nhiên gia đình vẫn nhất trí cho chị H và con chị H là Hoàng Bảo H ở ổn định, lâu dài.

Tại biên bản xác minh ngày 19/4/2022, anh Ngô Xuân M trình bày: Anh M là cháu ruột của chị H, hiện nay anh M đang sống cùng nhà với bà nội Hoàng Kim Th và chị H, con chị H là Hoàng Bảo H. Trong trường hợp bà Hoàng Kim Th tặng cho anh M ngôi nhà đang ở thì anh M vẫn cho chị H và cháu H ở ổn định, lâu dài tại ngôi nhà này.

Tại các biên bản xác minh ngày 19/4/2022 đối với ông Phạm Văn D, Tổ trưởng tổ dân phố khối C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và bà Đào Lan H; địa chỉ: phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn có kết quả như sau:

Quá trình hai vợ chồng chị H, anh T sinh sống cùng với nhau tại nhà mẹ đẻ của chị H thì ông, bà có được chứng kiến 01 lần chị H, anh T đánh nhau, ngoài ra anh T và chị H thường xuyên cãi chửi nhau do anh T thường xuyên uống rượu say. Hiện nay không thấy anh T sang thành phố L chung sống với chị H và chị H cũng không sang huyện N, tỉnh Bắc Kạn chung sống với anh T. Nghề nghiệp của chị H là làm nghề buôn bán tự do, có thu nhập, nhưng cụ thể thu nhập hàng tháng bao nhiêu thì ông, bà không rõ.

Tại biên bản xác minh ngày 19/4/2022 đối với bà Nông Thị T là cô giáo chủ nhiệm của cháu Hoàng Bảo H cung cấp thông tin như sau: Bà T hiện là giáo viên chủ nhiệm của cháu Hoàng Bảo H, học sinh lớp 3A trường Tiểu học C. Điều kiện học tập của cháu H tốt, khoảng cách từ nhà cháu đến trường học chỉ khoảng 01km, khi đi học cháu được mẹ đưa đón hàng ngày bằng phương tiện cá nhân của mẹ cháu. Về sức học tập của cháu H học kỳ I xếp loại khá, ngoài ra cháu H đều tham gia nhiệt tình, vui vẻ tất cả các phong trào do lớp và nhà trường phát động. Về học phí và các khoản phải nộp khác, mẹ cháu H là chị H đều đóng góp đầy đủ và kịp thời.

Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 24/12/2022 của cháu Hoàng Thị Vân K là con chung của chị H và anh T trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn, không sống với nhau nữa, cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 08/11/2021 của cháu Hoàng Bảo H là con chung của chị H và anh T trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn, không sống với nhau nữa, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72/BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Ngô Thị Thuý H được ly hôn với anh Hoàng Văn T. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Thị Vân K, sinh ngày 15/8/2008 cho anh Hoàng Văn T nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; giao con chung là cháu Hoàng Bảo H, sinh ngày 03/5/2013 cho chị Ngô Thị Thuý H nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Chị Hường phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ngô Thị Thuý H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Hoàng Văn T và giải quyết việc nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn anh Hoàng Văn T hiện đang cư trú tại thôn P, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn anh Hoàng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và phiên tòa lần thứ thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu do các bên đương sự cung cấp; các tài liệu, chứng cứ do Toà án xác minh, thu thập được; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống ở nhà của bố mẹ chị H ở số nhà x Trần Nhật D, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Đến năm 2013, anh T và con gái lớn là Hoàng Thị Vân K chuyển về thôn P, xã K, huyện N sinh sống; chị H và con gái út vẫn sinh sống ở thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Thi thoảng, anh T, chị H đi lại sang thành phố L và huyện N để thăm con. Mâu thuẫn

giữa chị H và anh T phát sinh từ năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, nên vợ chồng thường xuyên mắng chửi nhau mỗi khi hai vợ chồng sống cùng với nhau. Ngoài ra, kết quả xác minh cho thấy anh T còn có hành vi đánh đập, bạo lực gia đình đối với chị H. Từ năm 2019 đến nay, anh T và chị H đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Tuy nhiên, anh T cho rằng quá trình chung sống anh T và chị H không xảy ra mâu thuẫn gì, do vậy anh T không đồng ý ly hôn. Mặc dù, anh T cho rằng vợ chồng anh T, chị H không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, anh T không đồng ý ly hôn vì hai con chung còn nhỏ, nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của anh T có trong hồ sơ vụ án thấy rằng giữa anh T và chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn thể hiện ở việc mỗi khi ở cùng với nhau chị H và anh T thường xuyên cãi chửi nhau, và thi thoảng có đánh đập nhau. Việc chị H, anh T đánh chửi nhau có sự chứng kiến của mẹ chị H, hàng xóm và tổ trưởng tổ dân phố khối C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Như vậy, việc anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì là không có căn cứ để chấp nhận. Đánh giá toàn diện vụ việc, HĐXX thấy rằng có căn cứ để kết luận hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H, anh T có hai con chung là Hoàng Thị Vân K, sinh ngày 15/8/2008 và Hoàng Bảo H, sinh ngày 03/5/2013. Các con chung khoẻ mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay, con Hoàng Thị Vân K đang sống cùng với anh T, còn con Hoàng Bảo H đang sống cùng với chị H. Xét đề nghị của chị H, sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Hoàng Bảo H, anh T trực tiếp nuôi dưỡng con Hoàng Thị Vân K cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị H và anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T có đề nghị nếu phải ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T, vì anh T cho rằng chị H không đủ điều kiện đảm bảo để nuôi dạy con chung. Xét thấy đề nghị của chị H phù hợp với nguyện vọng của hai con chung và thực tế hiện nay con Hoàng Thị Vân K đang sinh sống và học tập ổn định với anh T, con Hoàng Bảo H sinh sống, học tập ổn định với chị H. Chị H và con Hoàng Bảo H hiện nay đang sinh sống cùng mẹ chị H là bà Hoàng Kim Th và cháu Ngô Xuân M, có nơi ở ổn định, lâu dài. Chị H làm nghề buôn bán tự do, có thu nhập ổn định, quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị H đảm bảo việc học tập, phát triển thể chất lẫn tinh thần của con. Cháu H đang học tập ổn định tại Trường tiểu học C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, là trường học lớn của thành phố L, có điều kiện và môi trường học tập tốt cho trẻ, các giáo viên trong trường có nhiều kinh nghiệm giảng dạy, trường nhiều năm đạt danh hiệu Cờ thi đua của UBND tỉnh Lạng Sơn. Khoảng cách từ nơi ở của cháu đến trường chỉ cách khoảng 01km. Còn cháu Hoàng Thị Vân K hiện đang sinh sống cùng anh T và bố mẹ anh T ở thôn P, xã K, huyện N, cháu K đang học tập tại Trường tiểu học và trung học cơ sở xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Do vậy, xét nguyện vọng của chị H thấy rằng, yêu cầu của chị H được trực tiếp nuôi con Hoàng Bảo H, giao cho anh T được trực tiếp nuôi con Hoàng Thị Vân K là phù hợp với nguyện vọng của các con chung, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con nên được HĐXX

chấp nhận. Chị H, anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Chị H, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị H, anh T đều xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Ngô Thị Thuý H phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 35; Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung của chị Ngô Thị Thuý H đối với anh Hoàng Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thuý H được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Bảo H, sinh ngày 03/5/2013 cho chị Ngô Thị Thuý H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Giao con chung là Hoàng Thị Vân K, sinh ngày 15/8/2008 cho anh Hoàng Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị H, anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn Chị Ngô Thị Thuý H và anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị Thuý H phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000^{đ} tạm ứng án phí chị H

đã nộp theo biên lai số 0001731, ngày 09/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện;*
- *TAND tỉnh;*
- *THA Dân sự huyện;*
- *UBND phường C, TP L, T. Lạng Sơn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu TA.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thanh Bình